TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 224/2019/QĐST-HNGĐ	*Hoàn Kiếm, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Căn cứ vào Điều 212, 396 và 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số số 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu:

* Chị **Trần V** - Sinh năm: 1983

* Anh **Mầu L** – Sinh năm: 1980

Cùng hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số x đường A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Chị Trần V và anh Mầu L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 9 năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2008, quyển số 01. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.1]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Việc anh chị thỏa thuận nuôi con chung là A cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu.

[2].Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là A, sinh ngày …….2009 và B, sinh ngày …….2011.

Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn, chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 2 con là A và B; anh L cấp dưỡng nuôi con là

2.500.000đồng/con kể từ tháng 10/2019 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3].Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung: Chị V, anh L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

[4]. Đã hết thời hạn bẩy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

[5]. Việc ghi nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về con chung, tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung giữa chị Trần V và anh Mầu L là có căn cứ, được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần V** và anh **Mầu L.**

II. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là A, sinh ngày …….2009 và B, sinh ngày …….2011.

Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn, chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 2 con là A và B; anh L cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng, mỗi con là 2.500.000đồng/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng mỗi tháng) kể từ tháng 10/2019 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

III. Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung: Chị V, anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

IV. Lệ phí Tòa án: Chị Trần V tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí lệ phí Tòa án chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm ngày 23/9/2019, số biên lai AA/2016/0003278.

V. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường B;
- Chi cục Thi hành án DSQHK;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THU HÀ